

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2020/DS-ST**

Ngày: 7/5/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồ

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 07/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố BT, tỉnh BT. (có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố BT, tỉnh BT (có mặt)

2. *Bị đơn:* - Ông **Trương Minh Nh**, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố BT, tỉnh BT (vắng mặt)

- Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp P, xã H, thành phố BT, tỉnh BT (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn ông S trình bày:

Vào tháng 02/2015 ông Trương Minh Nh và bà Trần Thị Kim L có đến nhà

ông hỏi mượn tiền Đ làm vốn mua bán dừa, mỗi lần mượn từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng rồi đi ghe về trả. Ngày 20/02/2015 vợ chồng Nh qua nhà ông hỏi mượn cho đủ 20.000.000 đồng để làm vốn mua bán dừa và hứa sẽ phụ tiền cho con ông ăn học. Vợ chồng ông Nh có đưa cho ông 700.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Nh bỏ đi cho đến nay. Ông có đến gặp gia đình ông Nh nhưng gia đình ông Nh nói ông Nh mượn thì ông Nh trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Nh phải trả lại cho ông số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

Bà Đỗ : thống nhất lời trình bày của ông S

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông Nh, bà L, đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nh, bà L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/12/2019 ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trương Minh Nh và bà Trần Thị L trả số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ông Nh, bà L cư trú tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trương Minh Nh và bà Trần Thị L, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời ông bà cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nh, bà L.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo như ông S bà Đ trình bày ông bà có cho ông Nh bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại tòa, ông S bà Đ yêu cầu ông Nh bà L phải trả số tiền là 20.000.000 đồng. Trong giấy nhận cam kết mượn tiền ngày 20/02/2015 AL thể hiện rõ họ tên, số tiền ông Nh bà L đã nhận cũng như cam kết trả và ký tên của ông Nh bà L. Vì ông Nh bà L cố tình vắng mặt tại tòa nên không thể tiến hành đối chất được Đ làm rõ số tiền nợ vay giữa hai bên. Ông Nh bà L thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho ông S bà Đ được xem là cố tình giấu địa chỉ nên cần áp dụng qui định tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP Đ xét xử vắng mặt ông Nh bà L. Ông Nh bà L là vợ chồng, cả hai ông bà đều ký tên vào giấy cam kết mượn tiền. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông S bà Đ buộc ông Nh bà L có trách nhiệm trả cho ông S bà Đ số tiền nêu trên.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 1.000.000đồng (Một triệu đồng) ông Nh bà L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ; cụ thể tuyên:

Buộc ông Trương Minh Nh và bà Trần Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000đồng (Một triệu đồng) ông Nh bà L phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho ông S bà Đ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008527 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hồ Dương Thị Thanh Thúy

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Thúy Trần Thị Kim Mỹ

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Thị Bé Em

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng

Lý Thị Kim Ngân

Nguyễn Duy Phong